

Vietnam Daily Review

1300 điểm - Nơi này dừng chân

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/6/2022	•		
Tuần 6/6-10/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index duy trì sắc xanh với mức tăng khả quan cho đến cuối phiên sáng. Tuy nhiên, vào 15 phút cuối giờ giao dịch, thị trường nhanh chóng đảo chiều và chỉ còn tăng 2 điểm. Một số yếu tố đã tác động lên tâm lý giao dịch của nhà đầu tư và khiến độ rộng thị trường chuyển sang xu hướng tiêu cực với 8/19 ngành tăng điểm. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX trong khi mua ròng tại sàn HSX. Với thanh khoản duy trì ở mức trung bình gần đây, thông tin đột biến này có thể khiến VN-Index tiếp tục vận động trong vùng 1250-1300 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): NT2_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index 2.03 điểm, đóng cửa 1290.01 điểm. HNX-Index -3.66 điểm, đóng cửa 306.81 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GAS (+2.88), VCB (+2.71), MSN(+1.56), SAB (+0.55), PLX(+0.46).
- Kéo chỉ số giảm: NVL (-0.58), BCM (-0.56), PGV (-048), DIG (-0.47), TPB (-0.44).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15.299 tỷ đồng, tăng 33.64% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.942 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 20.13 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 53 mã tham chiếu và 315 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 44.38 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm DPM (198.93 tỷ), DCM (109.43 tỷ), FUEVFNVD (92.18 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -41.23 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1290.01**
Giá trị: 15298.76 tỷ 2.03 (0.16%)
Khối ngoại (ròng): 44.38 tỷ

HNX-INDEX **306.81**
Giá trị: 1708.49 tỷ -3.67 (-1.18%)
Khối ngoại (ròng): -41.23 tỷ

UPCOM-INDEX **93.90**
Giá trị: 1.74 tỷ -0.27 (-0.29%)
Khối ngoại(ròng): 183.68 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	119.3	0.39%
Giá vàng	1,852	0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,197	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	24,925	0.18%
Tỷ giá JPY/VND	17,735	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.35%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DPM	198.9	HPG	-101.3
DCM	109.4	STB	-84.1
FUEVFNVD	92.2	GMD	-80.6
MSN	45.5	DXG	-55.9
CTG	43.1	NVL	-38.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Phân tích kỹ thuật
NT2_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng

Nhận định: NT2 có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nến Marubozu gần như hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu trong các phiên giao dịch gần đây. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20, MA50 và MA100, đường MA20 đang cho thấy xu hướng cắt lên MA50 và MA100 ủng hộ cho xu hướng tăng giá. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 25.1, chốt lãi tại ngưỡng 28.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 23.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

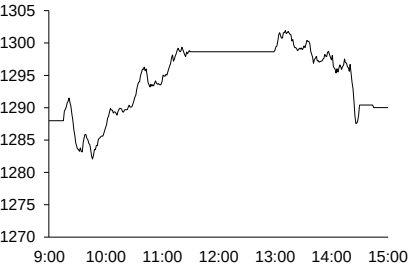
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.06%
Dầu khí	2.10%
Hóa chất	1.85%
Thực phẩm và đồ uống	1.21%
Bán lẻ	0.81%
Truyền thông	0.49%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.31%
Ngân hàng	0.13%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.07%
Du lịch và Giải trí	-0.20%
Y tế	-0.65%
Ô tô và phụ tùng	-0.73%
Tài nguyên Cơ bản	-0.78%
Dịch vụ tài chính	-0.81%
Công nghệ Thông tin	-0.92%
Xây dựng và Vật liệu	-1.06%
Bất động sản	-1.15%
Bảo hiểm	-1.59%

Hình 1

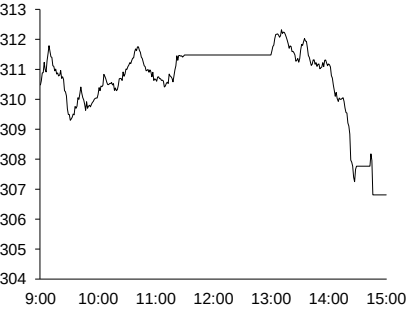
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	40.2	5	4.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/5/22	CTD	54.5	61	51	57.5	6	5.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/5/22	PDR	55.3	61.3	52	53.7	7	-2.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/5/22	MWG	146.7	162	136.7	154.7	10	5.45%	Có thể tiếp tục mua
26/5/22	DBC	25.3	30.2	22.5	25	11	-1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
25/5/22	FRT	121.8	154.1	112.4	135.3	12	11.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/5/22	VCI	35	48	32.5	39.4	19	12.57%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: (**) Tiệm cận giá mục tiêu

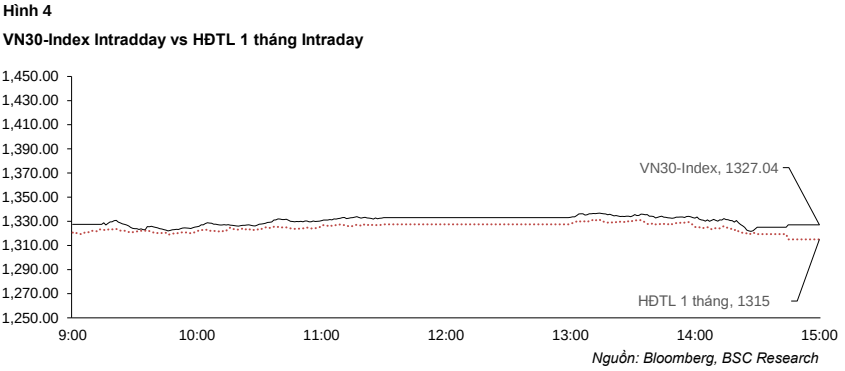
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời FS - Đóng vị thế sớm SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	2	7.81%	-2.04%	4.99%	10
Cổ phiếu đã chốt	245	212	7.11%	-7.57%	4.30%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1315.00	-0.27%	-12.04	-3.8%	224,785	6/16/2022	12
VN30F2207	1315.30	-0.14%	-11.74	143.4%	825	7/21/2022	47
VN30F2209	1313.70	-0.14%	-13.34	111.9%	89	9/15/2022	103
VN30F2212	1313.30	0.02%	-13.74	136.2%	111	12/15/2022	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -0.36 điểm xuống 1327.04 điểm. Các cổ phiếu như STB, TPB, TCB, NVL và FPT đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.

- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng tương tự khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 vẫn chưa thể vượt qua ngưỡng cản tâm lý 1340-1350. Thanh khoản trung bình và không có sự đột biến so với các phiên giao dịch trong tuần trước.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2203	9/26/2022	112	7:1	39,100	30.79%	1,990	2,470	14.88%	2,176	1.13	160,530	148,000	154,700
CMWG2202	8/1/2022	56	6:1	735,500	30.79%	4,000	2,910	11.92%	2,300	1.27	150,520	145,000	154,700
CMWG2204	10/7/2022	123	10:1	263,500	30.79%	3,000	2,150	7.50%	1,770	1.21	166,200	45,000	154,700
CPNJ2201	9/20/2022	106	8:1	235,100	38.64%	2,300	4,450	7.49%	3,960	1.12	99,260	95,500	125,000
CMSN2203	8/22/2022	77	20:1	427,600	41.65%	1,000	540	3.85%	280	1.93	192,989	126,789	117,000
CVIC2202	8/15/2022	70	16:1	36,700	25.36%	1,100	560	3.70%	141	3.98	97,902	82,222	78,500
CMWG2201	9/20/2022	106	10:1	364,900	30.79%	2,600	2,960	2.07%	2,427	1.22	213,500	134,500	154,700
CFPT2202	6/24/2022	18	10:1	317,400	30.61%	1,700	2,470	0.00%	2,352	1.05	115,300	89,700	113,000
CFPT2108	7/6/2022	30	6:1	59,700	30.61%	3,280	2,250	0.00%	1,342	1.68	109,835	106,835	113,000
CVNM2204	10/7/2022	123	10:1	520,300	22.58%	1,500	680	0.00%	325	2.09	84,100	73,000	70,800
CVRE2207	10/20/2022	136	8:1	45,100	38.82%	1,000	530	0.00%	222	2.39	43,333	33,333	29,950
CVPB2203	7/15/2022	39	16:1	24,900	35.74%	1,000	500	0.00%	158	3.17	53,688	28,888	30,600
CVRE2205	8/22/2022	77	5:1	400,800	38.82%	1,000	630	-1.56%	271	2.32	41,622	32,222	29,950
CVIC2204	8/22/2022	77	16:1	135,000	25.36%	1,000	560	-3.45%	130	4.32	105,093	83,333	78,500
CFPT2201	9/20/2022	106	8:1	632,100	30.61%	2,100	2,140	-4.04%	1,514	1.41	107,680	106,000	113,000
CHDB2205	10/20/2022	136	5:1	76,700	38.29%	1,000	810	-4.71%	363	2.23	31,611	27,111	25,300
CVHM2207	10/19/2022	135	8:1	11,200	26.61%	2,000	1,370	-6.16%	432	3.17	73,240	73,000	69,300
CNVL2202	8/15/2022	70	16:1	80,700	24.42%	1,000	460	-8.00%	127	3.61	116,959	79,999	76,300
CVIC2206	9/19/2022	105	10:1	75,700	25.36%	1,900	800	-9.09%	305	2.63	117,300	82,500	78,500
CVPB2204	11/15/2022	162	16:1	19,400	35.74%	1,000	720	-14.29%	191	3.77	45,448	30,888	30,600
Tổng				4,462,300	31.44%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CVPB2204 và CACB2102 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 85.19%. Giá trị giao dịch tăng 17.00%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.48% thị trường.

• CHPG2201 ,CTPB2201, CSTB2209 và CACB2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2201, CNVL2202, CNVL2201 và CNVL2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	154.7	1.0%	0.7	4,923	12.8	7,030	22.0	5.1	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	125.0	1.5%	0.7	1,317	9.1	5,443	23.0	3.8	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	54.1	-0.2%	1.4	1,746	4.3	2,529	21.4	1.9	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	49.0	-1.0%	0.6	499	0.1	3,644	13.4	1.5	58.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.5	-0.4%	0.5	13,017	5.1	(578)	N/A	2.9	12.5%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.0	0.0%	1.1	2,959	1.8	401	74.7	2.2	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	69.3	-0.1%	0.8	13,120	10.0	8,786	7.9	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	23.3	-7.0%	1.5	614	20.5	1,503	15.5	1.5	30.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.0	-0.9%	1.6	1,252	16.8	3,023	9.6	1.9	34.5%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.4	0.6%	1.0	574	8.3	4,884	8.1	1.8	19.2%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.3	-1.3%	1.6	462	2.2	2,619	8.9	1.4	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	113.0	-0.9%	1.0	4,491	12.7	5,152	21.9	5.3	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	72.7	-0.4%	0.4	1,038	0.1	4,926	14.8	4.0	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	129.9	4.6%	1.0	10,810	14.8	5,109	25.4	4.6	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	44.9	3.2%	1.5	2,480	3.3	1,950	23.0	2.2	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	31.5	1.0%	1.6	655	19.4	1,408	22.4	1.3	9.2%	5.5%
BSR	Dầu khí	30.4	9.7%	0.8	4,098	49.9	2,108	14.4	2.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	91.1	-0.8%	0.3	518	0.1	6,105	14.9	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	67.5	5.6%	1.2	1,148	22.9	12,920	5.2	2.2	14.6%	50.2%
DCM	Hóa chất	43.3	6.3%	1.2	996	14.7	5,643	7.7	2.6	9.6%	38.9%
VCB	Ngân hàng	79.7	2.8%	0.8	16,399	3.0	4,855	16.4	3.2	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.2	-0.4%	1.2	7,522	1.4	2,266	15.1	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.2	-0.7%	1.5	5,683	4.5	2,558	10.6	1.3	26.1%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.6	-0.5%	1.2	5,914	10.3	3,874	7.9	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	27.3	-0.5%	1.3	4,476	8.2	3,623	7.5	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	25.3	0.0%	1.1	3,715	1.9	3,081	8.2	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.2	-0.8%	0.7	211	0.1	3,150	18.8	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	43.9	0.2%	0.5	225	0.0	3,990	11.0	1.8	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.1	-0.9%	1.5	1,008	0.2	178	118.5	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	33.3	-0.3%	1.1	6,476	26.1	7,443	4.5	1.5	21.1%	40.4%
HSG	Thép	21.5	-2.7%	1.5	461	4.4	7,157	3.0	0.9	6.9%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	70.8	0.7%	0.6	6,433	4.4	4,390	16.1	4.6	54.5%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	158.5	2.1%	0.8	4,419	1.5	5,969	26.6	4.7	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	117.0	3.7%	1.0	7,206	8.5	7,041	16.6	6.0	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.2	-0.6%	1.6	469	1.1	1,144	15.0	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	85.0	-0.2%	0.8	8,045	0.1	363	234.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.6	0.5%	1.1	3,005	3.8	361	353.0	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	17.9	-0.8%	1.7	1,723	0.9	(5,210)	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	59.8	2.2%	1.0	784	20.6	2,256	26.5	2.7	45.0%	10.8%
PVT	Vận tải	21.9	0.9%	1.4	307	5.3	2,088	10.5	1.3	11.6%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.2	-0.5%	0.8	614	0.9	10,540	8.4	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	41.5	0.0%	0.8	808	2.1	3,677	11.3	2.4	4.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-0.9%	1.1	278	0.5	783	21.4	1.2	1.8%	5.6%
CTD	Xây dựng	57.5	-0.2%	1.3	185	2.0	(27)	N/A	N/A	44.7%	0.0%
CII	Xây dựng	20.0	-5.4%	1.3	219	5.6	1,266	15.8	0.9	10.6%	6.1%
REE	Điện	91.8	-1.3%	-1.4	1,419	6.8	5,994	15.3	2.4	49.0%	16.7%
PC1	Điện	40.2	6.9%	-0.4	411	5.6	3,238	12.4	2.0	5.0%	16.9%
POW	Điện	13.8	2.2%	0.6	1,405	15.0	859	16.1	1.1	2.2%	6.9%
NT2	Điện	25.1	6.8%	0.7	314	4.1	1,933	13.0	1.7	14.1%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	43.8	-1.9%	1.5	1,095	4.2	1,154	37.9	1.7	18.7%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	69.3	-3%	0.9	3,119	1.3	1,190	58.2	4.3	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	129.90	4.59	2.79	2.65MLN
VCB	79.70	2.84	2.66	880500
MSN	117.00	3.72	1.52	1.73MLN
SAB	158.50	2.13	0.54	221300
PLX	44.90	3.22	0.46	1.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.60	3.04MLN	1.11MLN
BCM	0.00	-0.58	438700	607060
PGV	-0.01	-0.52	11000	373600
DIG	-0.01	-0.51	6.58MLN	192700
TPB	0.00	-0.47	2.79MLN	611640

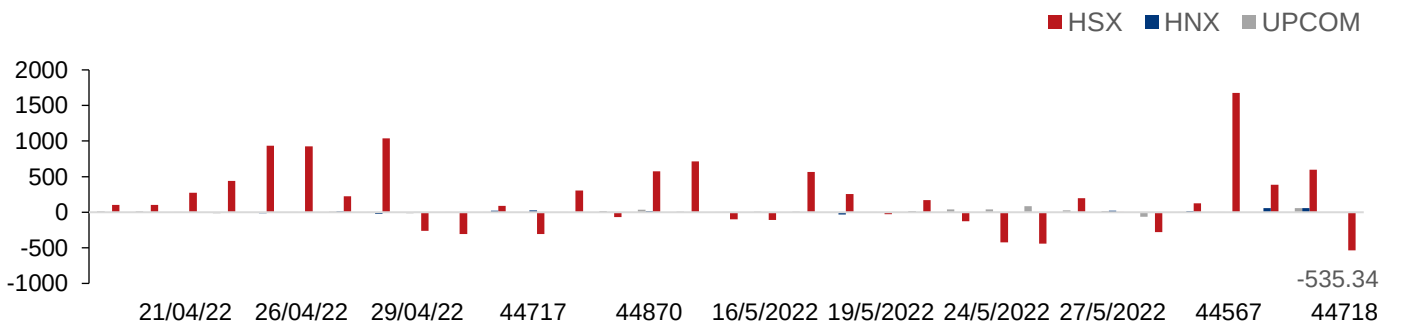
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CSM	17.65	6.97	0.03	96800.00
PC1	40.20	6.91	0.16	3.26MLN
NT2	25.10	6.81	0.12	3.80MLN
YEG	22.85	6.78	0.01	615700
COM	66.50	6.74	0.02	13800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGI	25.50	-7.94	-0.06	52700
DXG	23.25	-7.00	-0.27	19.79MLN
DIG	53.20	-6.99	-0.51	6.58MLN
SJF	9.58	-6.99	-0.02	1.68MLN
ABR	17.30	-6.99	-0.01	4600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	86.9	4,228	20.6	5.8	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	125.0	5,443	23.0	3.8	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.6	1,701	9.1	0.7	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.1	1,933	13.0	1.7	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	79.7	10,029	7.9	1.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	135.3	7,311	18.5	5.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	40.2	3,238	12.4	2.0	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.8	-129	#N/A N/A	0.8	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	113.0	5,152	21.9	5.3	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.6	2,466	12.0	1.9	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	22.7	9,632	2.4	1.0	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.8	859	16.1	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	125.0	5,443	23.0	3.8	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	154.7	7,030	22.0	5.1	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.9	2,088	10.5	1.3	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	118.1	8,710	13.6	6.0	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	33.3	7,443	4.5	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	43.8	1,154	37.9	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	30.3	5,084	6.0	1.9	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	23.3	1,503	15.5	1.5	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	130.0	8,596	15.1	5.8	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	56.6	2,136	26.5	2.8	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.2	2,701	10.8	2.0	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	109.0	8,331	13.1	3.1	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	31.1	1,941	16.0	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.0	3,644	13.4	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	31.5	1,408	22.4	1.3	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	129.9	5,109	25.4	4.6	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.0	3,141	7.0	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	57.5	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.6	1,701	9.1	0.7	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.7	1,350	8.7	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.0	2,433	5.8	1.1	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	125.0	5,443	23.0	3.8	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	125.0	5,443	23.0	3.8	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	154.7	7,030	22.0	5.1	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	55.5	2,762	20.1	3.9	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	43.1	1,900	22.7	1.9	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	30.4	2,108	14.4	2.5	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.8	1,034	19.1	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	109.0	8,331	13.1	3.1	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	39.1	2,916	13.4	2.1	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.1	689	20.4	1.1	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	25.0	2,054	12.2	1.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	52.9	3019.9	17.5	2.1	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	25.1	1,933	13.0	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
7	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
10	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
12	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
13	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
15	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
16	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
17	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
19	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
22	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
25	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
30	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
32	Banking Sector Outlook		x	Click
33	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
35	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
36	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
37	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
38	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
40	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
41	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
42	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
43	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
44	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639